TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ Số: 14/2023/QĐCNTTLH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *T, ngày 27 tháng 02 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều: 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các điều: 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Trần Thị H1 và anh Trần Quang H2;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc yêu cầu ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Trần Thị H1;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 02 năm 2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ **Chị Trần Thị H1,** sinh năm 1984;

+ **Anh Trần Quang H2,** sinh năm 1983;

Đều ở địa chỉ: khu 6, xã T, Huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do hòa giải viên cH2ển sang Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 02 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (ngày 25, 26/02/2023 là ngày nghỉ).

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 10 tháng 02 năm 2023, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H1 và anh Trần Quang H2.

- *Về con chung:* Chị H1 và anh H2 có 02 (hai) con chung là cháu Trần Mỹ T, sinh ngày 04/7/2013 và cháu Trần Khánh D, sinh ngày 07/12/2016. Khi ly hôn, chị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và cháu D đến khi từng cháu thành niên. Anh H2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Mỹ T cùng chị H1 số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng, kể từ tháng 02/2023 đến khi cháu Tâm thành niên. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Chị H1 và anh H2 không yêu cầu giải quyết.

- *Các vấn đề khác*: Không.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *VKSND Huyện T;*
- *THADS Huyện T;*
- *UBND xã T, Huyện T;*
- *Lưu TA.*

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai